

Số: 18 /GPMT-TNMT

Nghệ An, ngày 13 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam thực hiện một số nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 01/CV-MT ngày 15/11/2022 của Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 02/CV-MT ngày 12/12/2022 của Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng về việc chỉnh sửa báo cáo GPMT của dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Khu C - KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng, địa chỉ: Số nhà 12, ngách 7, ngõ 379, phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Khu C - KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- 1.1. Tên dự án: Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Khu C - KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 0411142872 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An chứng nhận lần đầu ngày 24/7/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 22/11/2022.
- 1.4. Mã số thuế: 0102192780.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
 - Diện tích sử dụng đất: 28.000 m²;

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi với công suất 180.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc, Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển hạ tầng Nghệ An nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KKT Đông Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/cáo);
- Các Phó trưởng Ban;
- UBND huyện Nghi Lộc;
- Công ty CP xuất nhập khẩu Cao Thăng;
- Công ty TNHH MTV đầu tư PT hạ tầng N.An;
- Các phòng: TNMT, KHĐT, QHXD;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, HS.

[Chữ ký]

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



[Chữ ký]
Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 18/GPMT-TNMT ngày 13/12/2022 của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Cẩm, không xả trực tiếp ra môi trường).
- Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 38/2022/HĐ-DVTN ngày 16/11/2022 với Ban quản lý dự án Khu kinh tế Nghệ An (Đơn vị quản lý thoát nước Khu công nghiệp Nam Cẩm).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Nước thải của nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

a) Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ hoạt động rửa tay chân, nhà bếp, lau sàn và nước thải từ nhà vệ sinh.

- Nước thải từ nhà bếp: Được thu gom qua hệ thống song chắn rác, dẫn bằng ống dẫn vào bể tách dầu mỡ, qua các hố ga rồi xử lý tiếp qua bể xử lý nước thải của dự án.

- Nước thải từ rửa chân tay, lau sàn: Được thu gom qua hệ thống song chắn rác, theo đường ống dẫn vào các hố ga rồi xử lý tiếp qua bể xử lý nước thải của dự án.

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại cải tiến, theo đường ống dẫn vào các hố ga. Sau đó rồi xử lý tiếp qua bể xử lý nước thải của dự án.

b) Nước thải sản xuất gồm nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước thải xả đáy nồi hơi và nước thải từ nhà khử trùng xe.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: Được thu gom về bể lắng cặn, theo đường ống dẫn vào các hố ga sau đó được dẫn về bể xử lý nước thải của dự án để xử lý tiếp.

- Nước thải từ xả đáy nồi hơi: Được thu gom qua đường ống dẫn, theo đường ống dẫn vào các hố ga sau đó được dẫn về bể xử lý nước thải của dự án để xử lý tiếp.

- Nước thải từ khu vực khử trùng: Bố trí đường ống uPVC dưới đáy xả tràn khu vực khử trùng, sau đó theo đường ống dẫn vào các hố ga dẫn xả về bể xử lý nước thải của dự án.

Toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ rồi dẫn vào bể xử lý nước thải của nhà máy qua hệ thống đường ống thu gom nước thải và hố ga, sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

Bể xử lý nước thải 4 ngăn có chức năng lắng, không sử dụng hóa chất xử lý. Nước từ các nguồn phát sinh được thu gom tự chảy dẫn về ngăn 1 của bể xử lý, sau đó nước được bơm cưỡng bức (sử dụng bơm chìm) sang bể 2, từ bể 2 nước tự chảy sang bể 3 rồi sang bể 4, sau đó tự chảy thoát ra hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN Nam Cẩm.

b) Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý; Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc các cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Ngoài ra, trong quá trình vận hành hệ thống xử lý, để hạn chế xảy ra các sự cố như rò rỉ hoặc tràn nước thải ra ngoài, tắc nghẽn các đường ống dẫn,... cần phải thường xuyên làm sạch đường ống, kiểm tra mực nước trong các bồn, bể chứa, thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và các thiết bị, máy móc.

- Nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố chủ dự án sẽ dừng ngay việc xả thải, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương, đồng thời nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Bắt đầu từ cuối tháng 12/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Bể xử lý nước thải 4 ngăn của dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tọa độ vị trí lấy mẫu: 01 mẫu đầu ra lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nam Cẩm dọc đường quy hoạch tuyến 17 – KCN (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

$$X = 2082415; \quad Y = 597084.$$

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Nằm trong giới hạn đầu vào cho phép của hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm: TCVN 5945 – 2005 (cột C).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN;

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc để hướng dẫn, giải quyết.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 18/GPMT-TNMT ngày 13/12/2022
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ ống khói lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. *Vị trí xả khí thải:* Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3^0): X = 2082314 (m); Y = 597199 (m).

2.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* 7723 m³/h.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Cường bức.

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải:* QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

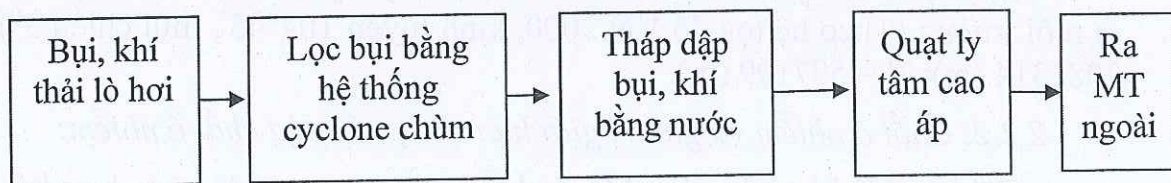
1.1. *Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:*

Bụi, khí thải từ lò hơi phát sinh được quạt hút đẩy vào hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

a) *Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải:*

- Sơ đồ xử lý bụi, khí thải lò hơi:



Dòng bụi, khói đi vào hệ thống Cyclone chùm nhờ lực hút của quạt hút đặt phía sau, sau đó được phân bố đều đến các phần tử Cyclone. Tại đầu các phần tử Cyclone, dòng khói bắt đầu chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn nhờ cánh xoắn. Tại đây, các hạt rắn được tách rời khỏi phần tử Cyclone và đi xuống phễu thu tro bộ Cyclone. Dòng khói khi đi đến phần dưới cùng hình nón của phần tử

Cyclone sẽ đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên và hình thành “dòng xoắn trong”. Dòng khí quay quanh ống trụ tâm của phần tử Cyclone và thoát ra ngoài tại cửa ra. Bụi lắng xuống phễu thu tro và được xả ra ngoài qua van xoay và vít theo chu kỳ. Bụi xả qua van xoay và vít sẽ được đóng bao để thuận tiện cho việc vận chuyển và vệ sinh.

Sau khi khói, bụi đi qua bộ cyclone, để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, sử dụng hệ thống đập bụi theo nguyên lý va đập quán tính kết hợp với màng nước, lắng bụi bằng trọng lực, va đập quán tính của bụi với mặt nước. Hệ thống bao gồm: tháp đập bụi kết hợp bể khử bụi, bơm tuần hoàn và hệ thống đường ống nước.

Khí thải từ lò hơi được dẫn bằng hệ thống ống dẫn kín đến thiết bị xử lý khí thải. Khí thải đi vào tháp đập bụi nhờ áp suất âm của quạt gió và chuyển động từ dưới lên trên, qua nước và qua bộ phận tách ẩm trước khi được quạt ly tâm cao áp hút đưa ra ngoài qua miệng thải. Bụi, khí thải sau khi ra ngoài môi trường được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

Chiều dài ống khói là 18 m, đường kính ống khói là 550 mm.

Nước được sử dụng để xử lý bụi, khí thải lò hơi được dẫn vào bể lắng tách cặn. Một phần nước thải được bơm tuần hoàn sử dụng lại, một phần có bổ sung nước, một phần thu gom về bể xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

Kích thước của bể lắng tách cặn 3 ngăn: 2 m dài $\times$ 1,5 m rộng $\times$ 2m cao.

b) Công suất: 7723 m³/h.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải của dự án từ cuối tháng 12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tọa độ vị trí lấy mẫu: mẫu khí thải sau xử lý lấy tại ống khói trước khi thoát ra môi trường (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104°45', múi chiều 3⁰): X = 2082314 (m); Y = 597199 (m).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Thông số: bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát khí thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, UBND huyện Nghi Lộc để hướng dẫn, giải quyết.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 18/GPMT-TNMT ngày 13/12/2022 của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong các công đoạn sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Lấy tại khu vực sản xuất, có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°):

$$X = 2082329; \quad Y = 597181.$$

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Phòng máy phát điện được đặt riêng.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và cho dầu bôi trơn, bảo dưỡng định kỳ.

- Móng máy đảm bảo xây dựng đủ khối và có biện pháp chống rung phù hợp.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào nhà máy hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu; phân công cán bộ điều khiển xe ra vào nhà máy để tránh trường hợp bị ùn tắc.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động.
- Khu vực văn phòng làm việc được lắp đặt các cửa kính để hạn chế bụi và tiếng ồn do quá trình sản xuất gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. 

STT	Tên (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)
1	Trang 1	Trang 1	Trang 1	Trang 1

STT	Tên (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)	Loại máy móc (Hàng)
1	Trang 1	Trang 1	Trang 1	Trang 1

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 18/GPMT-TNMT ngày 13/12/2022
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 35 kg/tháng gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/tháng)
1	Mực in thải	Rắn	16 01 09	02
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	02
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	06
4	Dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	25
Tổng				35

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 260 kg/ngày bao gồm bao bì, tro xỉ, giấy carton, pallet gỗ hỏng, phế liệu từ sản xuất.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 100 kg/ngày gồm thực phẩm dư thừa, túi nilon, vỏ hộp,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chứa vào các thùng nhựa hoặc thùng composit có dung tích 20l, 30l hoặc có dung tích khác, dán mã chất thải nguy hại.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà: Diện tích 15m², kho kín, kết cấu nhà khung BTCT chịu lực, có cửa khóa, nền lát gạch ceramic 300×300 chống trượt, mái tôn mạ màu kiên cố, tường bao xây phía dưới gạch chỉ, trát xi măng, bả matic, sơn nước trong nhà 3 lớp, phần trên bao bằng tôn mạ màu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thu gom vào các túi, bao bì, bao tải.

2.2.2. *Kho lưu chứa*: 3 ngăn có tổng diện tích 70 m², kho có cửa khóa, nhà khung BTCT chịu lực, tường bao xây phía dưới gạch chỉ, trát xi măng, bả matic, sơn nước trong nhà 3 lớp, phần trên bao bằng vách lưới thép B40 mạ kẽm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thu gom, phân loại các thùng đựng rác.

2.3.2. *Kho lưu chứa*: Diện tích 15 m², kho có kết cấu nhà khung BTCT chịu lực, có cửa khóa; nền lát gạch ceramic 300×300 chống trượt, mái tôn mạ màu, tường bao xây phía dưới gạch chỉ, trát xi măng, bả matic, sơn nước trong nhà 3 lớp, phần trên bao bằng vách lưới thép B40 mạ kẽm

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Bố trí bình chữa cháy, cát, xẻng theo hướng dẫn của cơ quan PCCC.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các hạng mục công trình lưu giữ chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra;
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành trong nhà máy.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng dễ cháy tại các khu vực có thể gây cháy.
- Tập huấn cho công nhân làm việc trong nhà máy về các phương pháp phòng cháy, nổ và các phương pháp ứng phó sự cố về môi trường trong quá trình sản xuất;
- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.
- Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với các cơ quan có chức năng tại địa phương để kịp thời ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra./.